| CÔNG TY CỔ PHẦN<br>KHOÁNG SẢN BẮC KẠN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 79 /CV - KS<br>*"V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 so với năm 2020 và chênh lệch trên 5% Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán so với Báo cáo tài chính quý IV/2021 (Lũy kế)"* | *Bắc Kạn, ngày 10.. tháng 3 năm 2022* |

**Kính gửi: UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn
Mã cổ phiếu: BKC
Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
Điện thoại: 0209 3812 399

Thực hiện Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 so với năm 2020 tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính quý IV/2021 (lũy kế). Bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất.

**I. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2021 so với năm 2020:**

**1. Tại Báo cáo tài chính riêng:**

| Stt | Nội dung | Năm 2021 | Năm 2020 | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 377.712.504.659 | 214.619.177.986 | 163.093.326.673 |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 347.288.274.432 | 208.315.865.825 | 138.972.408.607 |
| 3 | Doanh thu hoạt động tài chính | 2.445.786.055 | 11.504.500 | 2.434.281.555 |
| 4 | Chi phí tài chính | 18.447.637.921 | 15.296.377.606 | 3.151.260.315 |
| 5 | Chi phí bán hàng | 457.782.000 | - | 457.782.000 |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10.636.027.273 | 10.657.833.810 | (21.806.537) |
| 7 | Thu nhập khác | 4.708.783.296 | 4.639.857.981 | 68.925.315 |
| 8 | Chi phí khác | 1.605.877.910 | 3.436.311.834 | (1.830.433.924) |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.431.474.474 | (18.435.848.608) | 24.867.323.082 |

**Nguyên nhân chênh lệch:**

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Ký ngày: 11/3/2022 18:10:59

- Chênh lệch doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch, giá vốn hàng bán nguyên nhân chủ yếu năm 2021 hàng hóa, thành phẩm xuất bán nhiều hơn so với năm 2020.
- Chênh lệch doanh thu hoạt động tài chính do năm 2021 có khoản thu lãi chậm thanh toán.
- Chênh lệch chi phí tài chính do năm 2021 trích lập dự phòng đầu tư.
- Năm 2021 xuất khẩu thành phẩm nên phát sinh chi phí bán hàng.

Từ các nguyên chính nêu trên dẫn tới lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính riêng năm 2021 tăng so với năm 2020 là 24,8 tỷ đồng.

**2. Tại Báo cáo tài chính hợp nhất:**

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2020 | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 377.971.840.359 | 214.695.201.486 | 163.276.638.873 |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 347.547.610.132 | 212.009.955.863 | 135.537.654.269 |
| 3 | Doanh thu hoạt động tài chính | 2.445.901.773 | 11.786.508 | 2.434.115.265 |
| 4 | Chi phí tài chính | 18.447.637.921 | 15.296.377.606 | 3.151.260.315 |
| 5 | Chi phí bán hàng | 457.782.000 | - | 457.782.000 |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 12.513.588.239 | 11.588.212.440 | 925.375.799 |
| 7 | Thu nhập khác | 4.708.783.296 | 4.678.343.679 | 30.439.617 |
| 8 | Chi phí khác | 1.630.770.120 | 3.521.278.457 | (1.890.508.337) |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. | 4.529.137.016 | (23.030.492.693) | 27.559.629.709 |

**Nguyên nhân chênh lệch:**

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như giải trình tại Báo cáo tài chính riêng và Công ty con đã giảm bớt lỗ. Vì vậy mà lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 tăng so với năm 2020 là 27,5 tỷ đồng.

**II. Nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính quý IV/2021 (lũy kế):**

**1. Tại báo cáo tài chính riêng:**

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2021 (Đã được kiểm toán ) | Lũy kế quý IV/2021 | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Giá vốn hàng bán | 347 288 274 432 | 351 371 244 328 | (4 082 969 896) |
| 2 | Chi phí tài chính | 18 447 637 921 | 13 716 802 101 | 4 730 835 820 |
| 3 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10 636 027 273 | 10 213 220 150 | 422 807 123 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 6 431 474 474 | 7 502 147 521 | (1 070 673 047) |

**Nguyên nhân chênh lệch:**

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu là xác định đúng giá hàng tồn kho của hàng hóa, thành phẩm đã xuất bán và bổ sung trích lập đầu tư, dự phòng phải thu khó đòi. Do vậy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán giảm 1 tỷ đồng.

**2. Tại Báo cáo tài chính hợp nhất:**

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2021 (Đã được kiểm toán) | Lũy kế quý IV/2021 | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Giá vốn hàng bán | 347.547.610.132 | 351 630 580 028 | (4.082.969.896) |
| 2 | Chi phí tài chính | 18.447.637.921 | 13 716 802 101 | 4.730.835.820 |
| 3 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 12.513.588.239 | 11 623 830 638 | 889.757.601 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. | 4 529 137 016 | 6 066 760 541 | (1.537.623.525) |

**Nguyên nhân chênh lệch:**

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như đã giải trình tại Báo cáo tài chính riêng và Công ty con phải hạch toán bổ sung chi phí quản lý doanh nghiệp. Do vậy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán giảm 1,5 tỷ đồng.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Xin trân trọng cảm ơn !

**Nơi nhận:**
- Như Kính gửi;
- Lưu VT, KT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 4700149595 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
T.P. BẮC KẠN T. BẮC KẠN

**Đinh Văn Hiến**